

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Việt Hàn,
huyện Việt Yên (tỷ lệ 1/500)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 74/BC-SXD ngày 09/02/2022; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh tại Tờ trình 04/TTr-KCN ngày 28/01/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Việt Hàn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/500, với các nội dung chính như sau:

1. Ranh giới và phạm vi nghiên cứu.

a) *Vị trí khu đất, ranh giới:*

Phạm vi ranh giới, diện tích lập quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Việt Hàn, tỷ lệ 1/500 cơ bản phù hợp theo quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Việt Hàn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000 đã được phê duyệt tại Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 14/7/2021, ranh giới cụ thể được xác định như sau:

- Phía Bắc và Tây Bắc: Giáp đất ruộng và khu dân cư xã Hồng Thái;
- Phía Nam: Giáp đường cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn;
- Phía Đông: Giáp đất ruộng và khu dân cư xã Tăng Tiến;
- Phía Tây và Tây Nam: Giáp đất KCN Đình Trám và thôn Mi Điền.

b) *Quy mô đồ án:* Quy mô khu vực nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch: 197,61 ha; trong đó diện tích lập điều chỉnh Khu công nghiệp Việt Hàn là 197,31 ha.

2. Tính chất.

Là khu công nghiệp tập trung, đa ngành, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước thuộc các lĩnh vực: công nghiệp cơ khí chế tạo, cơ khí chính xác, thiết bị điện, máy móc thiết bị xây dựng, thiết bị y tế, sản xuất hàng tiêu dùng,...có công nghệ hiện đại, tiên tiến, thân thiện với môi trường (ưu tiên bố trí các ngành công nghiệp nhẹ, thân thiện với môi trường giáp khu vực dân cư, hạn chế thu hút đầu tư các ngành công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường vào trong khu công nghiệp).

3. Quy hoạch sử dụng đất.

Quy mô khu vực nghiên cứu lập quy hoạch: 197,61 ha; trong đó diện tích khu công nghiệp Việt Hàn là 197,31 ha có cơ cấu sử dụng đất như sau:

Số TT	Loại đất	Đơn vị	Diện tích	Tỷ lệ
I	Đất hành chính dịch vụ khu công nghiệp	M2	9.963	0,50
II	Đất nhà xưởng, kho bãi	M2	1.297.100	65,74
III	Đất cây xanh, mặt nước + tôn giáo	M2	429.329	21,76
1	<i>Cây xanh</i>	M2	339.344	
2	<i>Mặt nước</i>		79.388	
3	<i>Tôn giáo</i>		10.597	
IV	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	M2	25.176	1,28
V	Đất giao thông	M2	211.525	10,72
1	<i>Đất xây dựng đường GT nội bộ</i>	M2	178.390	

2	Đất bãi đỗ xe		33.135	
	Tổng cộng đất KCN		1.973.093	100,00
	Đất hoàn trả đường giao thông thôn My Điền	M2	3.029	
	Tổng cộng	M2	1.976.122	

4. Các giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan.

Trên cơ sở định hướng quy hoạch chung đô thị Việt Yên, cơ cấu và phân khu chức năng công trình trong khu công nghiệp được quy hoạch tổng thể, kiến trúc cảnh quan hài hòa, đảm bảo mỹ quan, hiệu năng sử dụng;

- Khu công nghiệp được kết nối với giao thông đối ngoại thông qua điểm đầu nối với đường gom đường Cao tốc Hà Nội – Bắc Giang; đường nối Quốc lộ 17 với QL37; đường tỉnh ĐT295 và đường nội bộ khu công nghiệp Đình Trám các tuyến đường giao thông đối ngoại có mặt đường rộng từ 11,25m đến 15m; các tuyến đường này kết nối với khu công nghiệp; mạng lưới giao thông Cụm công nghiệp quy hoạch theo dạng ô bàn cờ tiếp cận các nhà máy, thuận tiện giao tiếp cho từng khu vực sản xuất cũng như trao đổi hàng hóa;

- Công trình hành chính được quy hoạch phía Nam cửa ngõ của khu công nghiệp, là nơi điều hành, nơi làm việc của đội PCCC, trưng bày, giới thiệu sản phẩm và công trình thương mại dịch vụ phục vụ cho khu công nghiệp;

- Quy hoạch các lô đất xây dựng nhà máy khoảng 2,0ha cho đến 16,0ha để thuận tiện bố trí cho các nhà máy, phù hợp với từng loại hình, dây truyền công năng sản xuất của các nhà máy;

- Trạm xử lý nước thải và thu gom chất thải rắn được bố trí tại phía Tây Nam của khu công nghiệp, là khu vực có cao độ thấp để thuận lợi cho thoát nước sau khi được xử lý. Toàn bộ nước thải trong các nhà máy sản xuất được xử lý cục bộ trước khi thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung, sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung;

- Bố trí dải cây xanh cách ly với khu dân cư tạo cảnh quan, đảm bảo an toàn và cải tạo vi khí hậu trong khu công nghiệp.

5. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật.

a) *Giao thông:*

* *Đường đối ngoại:*

- Quốc lộ 37 có mặt cắt (1-1) từ 44m - 45m; trong đó: QL37 rộng 29-30m, đường gom rộng 15m.

- Đường nối quốc lộ 17 với Quốc lộ 37 đang được thi công xây dựng có mặt cắt từ 27-34m.

- Đường tỉnh 295 rộng 15m; trong đó: mặt đường 12m, lề đường mỗi bên 1,5m.

* *Đường trong khu công nghiệp:*

- Mặt cắt (1A-1A) là 34m; trong đó: Lòng đường $2 \times 7,5 = 15\text{m}$; dải phân cách rộng 3m; hè đường 2 bên $2 \times 8 = 16\text{m}$.

- Mặt cắt (1-1) là 27m; trong đó: Lòng đường 15m; hè đường 2 bên $2 \times 6 = 12\text{m}$.

- Mặt cắt (2-2) là 25m; trong đó: Lòng đường 15m; hè đường 2 bên $2 \times 5 = 10\text{m}$.

- Mặt cắt (2*-2*) là 22m; trong đó: Lòng đường 12m; hè đường 2 bên $2 \times 5 = 10\text{m}$.

- Mặt cắt (3-3) là 21,25m; trong đó: Lòng đường 11,25m; hè đường 2 bên $2 \times 5 = 10\text{m}$.

- Mặt cắt (3A-3A) là 18,25m, trong đó: Lòng đường 11,25m; hè đường 2 bên $5 + 2 = 7\text{m}$.

- Mặt cắt (4-4) là 20,5m, trong đó: Lòng đường 10,5m; hè đường 2 bên $2 \times 5 = 10\text{m}$.

- Mặt cắt (5-5) là 17,5m; trong đó: Lòng đường 7,5m; hè đường 2 bên $2 \times 5 = 10\text{m}$.

- Mặt cắt (5A-5A) là 13,5m (đường hoàn trả dân sinh trong KCN), trong đó: Lòng đường 7,5m; hè đường 2 bên $2 \times 3 = 6\text{m}$.

- Mặt cắt (6-6) là 12,0m (đường hoàn trả dân sinh thôn Mi Điền), trong đó: Lòng đường 8,0m; hè đường 2 bên $2 \times 2 = 4\text{m}$.

b) San nền:

Căn cứ vào cao độ hiện trạng của khu vực, thiết kế cao độ san nền khu vực khu công nghiệp trung bình +4,75m; trong đó: Cao độ thấp nhất là: +4.30m; cao độ cao nhất là +5.9m.

c) Thoát nước:

Hệ thống thoát nước mưa và nước thải được thiết kế riêng hoàn toàn.

* Hệ thống thoát nước mưa:

- Hướng thoát nước: Nước mưa được thoát theo hai hướng, hướng thứ nhất khu vực phía Tây Đông hướng thoát từ Tây sang Đông; hướng thứ 2 khu vực phía Đông Nam hướng thoát từ Bắc xuống Nam. Nước mưa được thoát ra mương tiêu T6 xung quanh khu công nghiệp và thoát ra khu vực kênh Ngòi Bún;

- Căn cứ vào lưu lượng nước mưa và bảng tính toán thủy lực, chọn đường kính cống thoát nước từ D400÷D1.750; độ dốc cống thoát nước lấy theo độ dốc tối thiểu $i = 1/D$, cống được dùng là cống bê tông cốt thép ly tâm;

- Hoàn trả các tuyến kênh trong phạm vi khu công nghiệp gồm kênh T6, các mương thoát nước. Bố trí các tuyến kênh này ra giáp ranh giới KCN, các mương điều chỉnh có kích thước từ 12-17m, chiều sâu trung bình từ 2-3m, mương thiết kế kè mái và đáy để tăng khả năng thoát nước cho khu vực;

- Xây dựng 01 hồ điều hòa rộng 16.674m², chiều sâu đáy hồ trung bình 3m;
- Hệ thống giếng thu nước mưa được bố trí trên hè đường cách nhau 30m. Các hố ga dưới lòng đường được đổ bê tông và đậy tấm đan.

** Hệ thống thoát nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất trong các nhà xưởng công nghiệp được xử lý cục bộ trước khi xả ra hệ thống công thoát nước thải chung, sau đó được đưa về trạm xử lý công suất khoảng 6.000m³/ng.đ đặt tại khu đất hạ tầng kỹ thuật. Nước thải phải được xử lý đạt loại A theo quy định sau đó thoát ra hệ thống kênh T6 thoát nước mưa;

- Mạng lưới đường công thu gom nước thải được thiết kế tự chảy với độ dốc tối thiểu $i = 1/D$, sử dụng công tròn D300;

- Sơ đồ thoát nước thải: Nước thải khu sản xuất được xử lý cục bộ → công thoát nước thải → trạm xử lý nước thải → xả ra hệ thống kênh thoát nước mưa khu vực.

d) Cấp nước:

- Dự kiến nguồn nước cấp cho khu công nghiệp sẽ dùng nguồn nước của đường ống cấp nước đường kính D710mm của Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng nước DNP – Bắc Giang chạy dọc theo đường gom của đường Cao Tốc Hà Nội – Bắc Giang.

- Mạng lưới đường ống cấp nước trong khu vực quy hoạch được tổ chức theo sơ đồ mạch vòng và đường ống cụt;

- Căn cứ vào tính toán thủy lực mạng lưới cấp nước sử dụng ống D160-D315. Các tuyến ống được lắp đặt dọc theo đường nội bộ của khu; trên các tuyến đặt van chặn để thuận tiện cho công tác quản lý;

- Giải pháp cấp nước chữa cháy: Chữa cháy áp lực thấp, khi có cháy xe cứu hỏa đến lấy nước tại các họng cứu hỏa. Họng cấp nước cứu hỏa được bố trí trên đường ống \geq D110. Khoảng cách giữa các trụ cứu hỏa từ 100÷120m để đảm bảo bán kính phục vụ.

e) Cấp điện điện:

- Nguồn điện: Nguồn điện hiện tại được lấy từ nguồn điện trên Tuyến đường điện 22 KV chạy qua khu công nghiệp, sau khi xây dựng xong trạm biến áp 110KV tại khu đất HTKT2 của khu công nghiệp thì nguồn điện sẽ lấy từ trạm biến áp 110KV này.

- Lưới điện:

+ Lưới điện 22kV cấp cho cụm công nghiệp bố trí đi nổi;

+ Lưới điện chiếu sáng sử dụng điện áp 0,4kV, chiều cao từ 9 - 11m, đường dây bố trí đi ngầm để đảm bảo mỹ quan;

- Trạm biến áp: Xây dựng các trạm biến áp cho từng nhà máy. Tổng công suất dự kiến toàn khu công nghiệp khoảng 38.891kVA.

Hạ tầng Khu công nghiệp xây dựng 04 trạm biến áp: Trạm biến áp 1: TBA250- 22/0.4kV, đặt tại khu dịch vụ khu công nghiệp; Trạm biến áp 1: TBA 400- 22/0.4kV, đặt tại nhà máy xử lý nước thải; Trạm biến áp 3: TBA 150- 22/0.4kV đặt tại bãi đỗ xe P3; Trạm biến áp 4: TBA 150- 22/0.4kV đặt tại bãi đỗ xe P4

f) *Chất thải rắn*: Chất thải rắn được thu gom tại chỗ và vận chuyển đến khu xử lý CTR chung của huyện Việt Yên.

g) *Đánh giá môi trường chiến lược*: Đồ án đã đánh giá môi trường chiến lược theo các quy định hiện hành, khi triển khai thực hiện cần tuân thủ các giải pháp để đảm bảo phát triển bền vững, giảm thiểu các tác động ảnh hưởng đến môi trường toàn khu vực.

h) *Vị trí đường dây, đường ống kỹ thuật*: Hệ thống cấp nước, cấp điện, thoát nước thải và nước mưa, thông tin liên lạc đều được bố trí trên phần đất hệ đường quy hoạch.

6. Những hạng mục chính ưu tiên đầu tư xây dựng.

- *Công trình*: Khu hành chính, nhà xưởng sản xuất;

- *Hạ tầng kỹ thuật*: Hệ thống giao thông, hệ thống cấp nước, thoát nước, cấp điện và khu xử lý nước thải.

Điều 2. Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Việt Yên và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công TĐTT tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ, TH, KTN;
- Lưu: VT; XD.Trung.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích